

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **29/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 08/02/2023

“V/v ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Kha.

Ông Nguyễn Hồng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 250/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2022 về việc “*Ly hôn*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 14, tổ dân phố số 2, thị trấn Thắng, huyện H, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 39, làn 3, đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

Hiện anh S đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2023 anh Nguyễn Hoàng S trình bày: Anh và chị H đăng ký kết hôn ngày 05/12/2017, đăng ký tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau nên không thể hàn gắn được tình cảm, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn, hiện anh đang lao động tại Nhật Bản, anh về nước nghỉ phép từ ngày 04/01/2023 đến ngày 27/01/2023 anh tiếp tục sang Nhật Bản lao động, tuy nhiên địa chỉ của anh không ổn định, thay đổi thường xuyên nên không cung cấp cho Tòa án được.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H và anh S đều xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn Sơn.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hoàng S đều là người Việt Nam, anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, hiện anh S đang lao động tại nước ngoài, căn cứ công văn số: 27242/QLXNC-P5 ngày 14/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh S đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất là ngày 23/6/2022, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh S. Ngày 04/01/2023 anh S về phép và đến Tòa án làm việc, đến ngày 27/01/2023 anh tiếp tục sang Đài Loan soongsvaf làm việc. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị H, anh S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh S.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hoàng S tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/12/2017 tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh S chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau nên không thể hàn gắn được tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay, chị H làm đơn xin ly hôn anh S đồng ý ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị H và anh S đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn, anh S đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản

1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hoàng S.

[4]. Về con chung: Chị H và anh S không có con chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị H và anh S không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hoàng S.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000746 ngày 02/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Hoàng S hiện đang ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND phường Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương